

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-9-2025.

V/v Ly hôn giữa bà Hằng và ông  
Hữu.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Như Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Tiền.

2. Bà Lý Thị Trúc Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Đình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:**

Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1987. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Số CCCD: 080187012807; Ngày cấp: 30/8/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số I, ấp C, xã A, tỉnh Tây Ninh.

**\* Bị đơn:**

Ông Trần Phi H1, sinh năm 1983. Có mặt.

Số CCCD: 083083015451; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

ĐKTT: số 222, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: số I, ấp C, xã A, tỉnh Tây Ninh.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Thành H2, sinh năm 1991. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Số CCCD: 083091004417; Ngày cấp: 26/02/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ K, sinh năm 1962. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Số CCCD: 083162009363; Ngày cấp: 20/8/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Trần Phi H1 tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2022 thì bắt đầu sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn hợp nhau. Bà là giáo viên mầm non, đi dạy mỗi ngày, bà thường xuyên sử dụng điện thoại nên xảy ra cãi nhau do ông H1 ghen tuông. Vào năm 2024, bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Vụ án chưa được thụ lý giải quyết, do được gia đình khuyên ngăn và bà cũng muốn cho ông Hữu cơ H3 nên rút đơn khởi kiện. Từ đó cho đến nay thì tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được. Do xác định tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông Trần Phi H1.

Về con chung: có Trần Nguyễn Hữu L, sinh ngày 08/12/2009 và Trần Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, biển kiểm soát 62K1-540-05 hiện do bà đứng tên và đang quản lý sử dụng, bà thống nhất giá trị xe hiện nay là 40.000.000 đồng, không yêu cầu định giá. Bà đồng ý giao xe lại cho ông H1 quản lý sử dụng, ông H1 giao lại cho bà  $\frac{1}{2}$  giá trị xe là số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H1.

Về nợ chung: bà thừa nhận có mượn em ruột của ông H1 là Trần Thành H2 05 chỉ vàng 24K. Bà đồng ý có trách nhiệm trả cho ông Trần Thành H2 2,5 chỉ vàng 24K sau khi ly hôn.

Vì lý do công việc, bà không thể trực tiếp tham gia vụ án nên có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Phi H1 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất về thời gian và nơi đăng ký kết hôn như bà H trình bày. Năm 2024 ông có biết việc bà H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến tre do ông có nhận được đơn khởi kiện do bà H gửi. Ông xác định không có lỗi gì trong quan hệ hôn nhân với bà H, ông còn thương vợ và rất thương con nên ông không đồng ý ly hôn với bà H. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà H được ly hôn thì ông có các yêu cầu cụ thể như sau:

Về con chung: ông yêu cầu được nuôi Trần Nguyễn Hữu L, sinh ngày 08/12/2009 và Trần Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 12/7/2017, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 xe Honda SH Mode biển kiểm soát 62K1-540.05 mua năm 2023, giá trị còn lại của xe hiện nay là 40.000.000 đồng, ông không yêu cầu định giá. Xe hiện do bà H đứng tên và quản lý sử dụng. Ông yêu cầu bà H giao xe cho ông, ông sẽ trả lại cho bà H  $\frac{1}{2}$  giá trị xe là số tiền 20.000.000 đồng.

Về nợ chung: trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có cùng nhau mượn của em ruột ông tên Trần Thành H2 2,5 chỉ vàng 24K và mượn của mẹ ruột ông tên Nguyễn Thị Lệ K số tiền 20.000.000 đồng. Ông yêu cầu ông và bà H mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Thành H2 2,5 chỉ vàng 24K và trả cho bà Nguyễn Thị Lệ K số tiền 10.000.000 đồng.

***Tại biên bản ngày 29/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành H2 trình bày:***

Ông là e ruột của anh Trần Phi H1. Vào năm 2023, ông có cho vợ chồng anh Trần Phi H1, chị Nguyễn Thị Mỹ H mượn 05 chỉ vàng 24K để mua xe gắn máy biển số 62K1-540.05 mà hiện nay chị H đang sử dụng. Do là anh e với nhau nên không có lập biên bản giao nhận.

Nay chị H xin ly hôn với anh H1 và anh H1 có yêu cầu giải quyết về số nợ chung này. Do chị H và anh H1 đều thừa nhận có nợ ông 0 chỉ vàng 24K, mỗi người đều đồng ý trả cho ông 2,5 chỉ vàng 24K trong trường hợp Tòa án cho anh chị ly hôn nên ông không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập trong vụ án này. Khi có phát sinh tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện sau.

Do không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên ông từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt ông. Ông cam đoan sẽ không khiếu nại gì về việc Tòa án giải quyết vụ án mà không mời ông tham gia.

***Tại biên bản ngày 09/9/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ K trình bày:***

Bà là mẹ ruột của Trần Phi H1. Vào năm 2020, bà có cho vợ chồng Trần Phi H1, Nguyễn Thị Mỹ H mượn 20.000.000 đồng để làm vốn trồng thanh long tại Long An. Bà trực tiếp giao tiền mặt cho cả hai vợ chồng. Do là mẹ con với nhau nên không có lập biên bản giao nhận.

Nay con dâu xin ly hôn và con trai bà có yêu cầu giải quyết về số tiền còn nợ của bà. Mặc dù không có biên bản giao nhận nhưng do H1 và H đều thừa nhận có nợ bà 20.000.000 đồng, mỗi người đều đồng ý trả cho bà 10.000.000 đồng nên bà không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập trong vụ án này. Khi có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện sau.

Do không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt bà. Bà cam đoan sẽ không khiếu nại gì về việc Tòa án giải quyết vụ án mà không mời bà tham gia.

***Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật HN&GD 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP TANDTC; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H: chị H được ly hôn với anh Trần Phi H1.

+ Về con chung: chị H được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Hữu L; anh H1 được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Hữu K1. Ghi nhận việc chị H và anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: công nhận sự thỏa thuận của anh H1, chị H, cụ thể: anh H1 được quyền quản lý, sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển kiểm soát 62K1-540.05 do chị Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và trả lại cho chị H ½ giá trị xe là 20.000.000 đồng.

+ Về nợ chung: ghi nhận việc anh H1, chị H thừa nhận có nợ chung của anh Trần Thành H2 và bà Nguyễn Thị Lệ K và đồng ý chia đôi nợ chung. Tuy nhiên do anh Trần Thành H2 và bà Nguyễn Thị Lệ K không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết trọng vụ án này. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

+ Tuyên án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông Trần Phi H1 đăng ký thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án “*Xin ly hôn*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Trần Thành H2, bà Nguyễn Thị Lệ K có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mỹ H ông Trần Thành H2 và bà Nguyễn Thị Lệ K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông H1 tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H1 nên bà xin được ly hôn với ông H1. Ông H1 xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để tạo cơ hội hàn gắn cho hai bên nhưng không mang lại kết quả. Mặt khác, năm 2024, bà H đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, sau đó rút lại đơn khởi kiện để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không cải thiện được những mâu thuẫn giữa vợ chồng. Từ đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: có Trần Nguyễn Hữu L, sinh ngày 08/12/2009 và Trần Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 12/7/2017. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Hữu L

cho bà H và giao cháu Hữu K1 cho ông H1 nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và cũng phù hợp pháp luật.

Bà H, ông H1 đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: có 01 xe Honda SH Mode biển kiểm soát 62K1-540.05, Bà H, ông H1 cùng thống nhất giá trị còn lại của chiếc xe hiện nay là 40.000.000 đồng và không yêu cầu định giá. Bà H là người đứng tên và đang quản lý sử dụng chiếc xe này. Tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2025, bà H đồng ý nhận số tiền 20.000.000 đồng và giao xe cho ông H1 quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H1. Buộc bà H phải có trách nhiệm giao 01 xe Honda SH Mode, biển kiểm soát 62K1-540.05 cho ông H1 quản lý sử dụng. Buộc ông H1 có trách nhiệm giao lại cho bà Hằng số tiền 20.000.000 đồng.

[6] Về nợ chung: ông H1 yêu cầu ông và bà H mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Thành H2 2,5 chỉ vàng 24K và trả cho bà Nguyễn Thị Lê K số tiền 10.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2025, bà H thừa nhận và đồng ý có trách nhiệm trả cho ông H2 2,5 chỉ vàng 24K sau khi ly hôn. Tuy nhiên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thành H2 và bà Nguyễn Thị Lê K không có yêu cầu độc lập trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì ông Trần Thành H2 và bà Nguyễn Thị Lê K được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: bà H và ông H1 phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H. Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Phi H1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền nuôi Trần Nguyễn Hữu L, sinh ngày 08/12/2009. Ông Trần Phi H1 được quyền nuôi Trần Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 12/7/2017.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Phi H1 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Phi H1 đều được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

### 3. Về tài sản chung:

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm giao 01(một) xe nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, số máy JK01E0439226, số khung RLHJK0112NZ403311, biển kiểm soát 62K1-540.05 cho ông Trần Phi H1 quản lý, sử dụng.

- Buộc ông Trần Phi H1 có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Trần Phi H1, bà Nguyễn Thị Lệ K và ông Trần Thành H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### 5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010079 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 1.000.000 (Một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Trần Phi H1 phải nộp 1.000.000 (Một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002189 ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Trần Phi H1 còn phải nộp thêm 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- UBND xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long.
- Đương sự
- Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Như Phương**